

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 106/2024/HS-ST

Ngày 31 tháng 7 năm 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Việt Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Thanh Bình

Bà Bùi Thị Thu Hằng

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thanh Huệ - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vinh Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên toà: Bà Lê Bảo Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 96/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 104/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Nguyễn Việt H, sinh năm 2005 tại tỉnh Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 11/12; nghề nghiệp: Học sinh trường Cao đẳng nghề; con ông Lê Quang H1 và bà Nguyễn Trịnh V; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/02/2024 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Bị hại: Chị Dương Diệu L, sinh năm 2005; địa chỉ thường trú: Lô B - Khu đô thị C, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi ở hiện tại: Số nhà A, ngõ D, đường H, quận N, thành phố Hà Nội, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Quang H1, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Anh Đào Công M, sinh năm 1998; địa chỉ: Cửa hàng M2, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có đơn xin vắng mặt.

Anh Lê Văn T, sinh năm 1998, địa chỉ: Cửa hàng Đ1, thị trấn H, huyện T, có đơn xin vắng mặt.

Người làm chứng: Chị Lê Thị Ngọc M1, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 15/02/2024, Lê Nguyễn Việt H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX mang biển kiểm soát (BKS): 88E1-176.93 màu đỏ, đen đi từ đường N đến ngã tư giao cắt với đường C rồi rẽ vào Làng B thuộc phường L, thành phố V để về nhà tại thị trấn H, huyện T. Khi H đi gần đến đường L hướng ra công viên V thuộc phường L, thành phố V thì nhìn thấy chị Dương Diệu L, sinh năm 2005, trú tại khu đô thị C, phường Đ, thành phố V một mình điều khiển xe máy điện đi trên đường N, hướng từ đường T rồi rẽ phải vào đường L. H quan sát thấy chị L vừa điều khiển xe, vừa cầm điện thoại di động ở tay trái nên nảy sinh ý định cướp giật điện thoại bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Lúc này, H quay xe và đi theo sau chị L nhằm tìm cơ hội thuận lợi để thực hiện hành vi cướp giật điện thoại. Khi chị L đi đến đoạn đường đối diện số nhà D đường L, phường L, thành phố V, H quan sát thấy vắng người nên điều khiển xe vượt lên áp sát từ bên trái xe của chị L, dùng tay phải giật nhanh chiếc điện thoại chị L đang cầm rồi đúc vào túi áo khoác bên sườn trái của H đồng thời tăng ga bỏ chạy về nhà. Sau đó, H tháo sim bên trong chiếc điện thoại vừa cướp giật được của chị L cất vào túi quần đang mặc và mang điện thoại đến cửa hàng M2, địa chỉ tại KM9, thị trấn H, huyện T bán cho anh Đào Công M, sinh năm 1998 là chủ của hàng được số tiền 3.000.000đ, anh M trả tiền cho H bằng hình thức chuyển từ tài khoản số 0968777198 của anh M tại Ngân hàng M3 đến tài khoản số 0000993892333 của H tại Ngân hàng M3. Trên đường về, H gặp 01 người nam giới theo H khai khoảng 40 tuổi (H không biết rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người này) đang đi trên đường, H đã nhờ chuyển khoản cho người này để xin nhận tiền mặt thì người này đồng ý. Sau đó, H chuyển khoản cho người này số tiền 3.000.000 đồng từ tài khoản của H đến số tài khoản của người này để lấy 3.000.000 đồng tiền mặt. Sau khi mua lại chiếc điện thoại từ H, anh M đã bán cho anh Lê Văn T, sinh năm 1998, trú tại Tổ dân phố H, thị trấn H, huyện T, là chủ của hàng M2 với giá 3.500.000 đồng.

Ngày 15/02/2024, chị L đến Công an thành phố V trình báo sự việc bị cướp giật tài sản. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V (CQĐT) đã triệu tập H làm việc. Tại Cơ quan điều tra, H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, BKS: 88E1-

176.93, 01 sim điện thoại bên trên có dãy kí tự 8984048000070115818 đã cũ, đã qua sử dụng và số tiền 3.000.000 đồng. Cùng ngày anh Đào Công M đã tự nguyện giao nộp số tiền 3.500.000 đồng, anh Lê Văn T tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, loại 13, màu hồng, số IMEI: 353874230185143.

Ngày 16/02/2024, CQĐT có yêu cầu định giá tài sản số 591/YC-ĐCSHS, đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân thành phố V định giá đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13, màu hồng, đã cũ, đã qua sử dụng. Tại Kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐG ngày 19/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân thành phố V kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13, màu hồng, đã cũ, đã qua sử dụng trị giá 12.500.000đ. CQĐT đã Thông báo Kết luận định giá cho bị hại và bị cáo biết, không ai có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì.

CQĐT đã làm rõ anh Đào Công M và anh Lê Văn T là người mua chiếc điện thoại nói trên nhưng không biết là tài sản do H phạm tội mà có nên không xem xét xử lý.

Cáo trạng số 107/CT-VKSTPVY ngày 05/7/2024 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên truy tố Lê Nguyễn Việt Hoàng về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (BLHS);

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã khai ở giai đoạn điều tra. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Lê Nguyễn Việt H phạm tội “Cướp giật tài sản”; áp dụng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS phạt Lê Nguyễn Việt H từ 03 năm 06 tháng đến 03 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 15/02/2024.

Bị hại Dương Diệu L có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong giai đoạn điều tra chị L đã nhận lại được tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu H phải bồi thường gì. Ngoài ra, chị L còn có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Anh Đào Công M, anh Lê Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên lời khai trước đó anh M và anh T đều đề nghị được nhận lại tiền đã bán điện thoại. Trong đó anh M xin nhận lại số tiền 3.000.000đ mà H đã tự nguyện giao nộp, anh T xin nhận lại số tiền 3.500.000đ mà anh M đã giao nộp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Quang H1 có mặt xác nhận đã được nhận lại tài sản là chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, BKS: 88E1-176.93 ngoài ra ông H1 không yêu cầu gì đối với bị cáo và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo H không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng bị cáo xin được hưởng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, Lê Nguyễn Việt H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã được công bố, xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng đã được thu giữ được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 15/02/2024, tại đường L thuộc phường L, thành phố V, Lê Nguyễn Việt H sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, BKS: 88E1-176.93 thực hiện hành vi cướp giật tài sản là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, loại 13, màu hồng, đã cũ, đã qua sử dụng của chị Dương Diệu L. Trị giá tài sản H chiếm đoạt theo kết luận định giá là 12.500.000đ.

Hành vi sử dụng xe mô tô cướp giật tài sản nêu trên là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và đã phạm vào tội Cướp giật tài sản được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Điều luật quy định :

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm: ...

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;”.

Như vậy, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên đối với bị cáo H là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, thấy rằng:

Mức cao nhất của khung hình phạt truy tố đối với bị cáo đến 10 năm tù. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 9 của Bộ luật hình sự tội phạm bị cáo gây ra có tính

chất rất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho người bị hại và xã hội cần phải bị xử lý nghiêm khắc.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng:

Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự. Mặc dù bị cáo được gia đình tạo điều kiện cho học tại Trường Cao đẳng N nhưng đã không chín chu rèn luyện bản thân, có lối sống không lành mạnh, ham chơi, đua đòi. Để có tiền tiêu xài cá nhân bị cáo đã bất chấp thực hiện hành vi phạm tội mà không nghĩ đến hậu quả xảy ra cho người khác. Tuy phạm tội lần đầu nhưng cho thấy bị cáo là người có thái độ coi thường pháp luật, cần nghiêm khắc xử lý.

Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và tự nguyện khắc phục hậu quả do mình gây ra nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có ông bà ngoại đều tham gia kháng chiến và được tặng thưởng huân chương; gia đình bị cáo trực tiếp thờ cúng liệt sỹ Lê Quang H2. Ngoài ra bị cáo còn được bị hại Dương Diệu L xin giảm nhẹ hình phạt nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Hội đồng xét xử đánh giá dựa trên đặc điểm nhân thân, tính chất tội phạm cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian bằng phạt tù giam mới đảm bảo tính nghiêm khắc trong giáo dục cải tạo người phạm tội và phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội. Như vậy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên về mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp có căn cứ để chấp nhận.

[6] Về phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 171 của Bộ luật hình sự còn quy định người phạm tội có thể bị phạt tiền bổ sung từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo chưa có nghề nghiệp nên không có thu nhập và tài sản để đảm bảo thi hành án nên không phạt bổ sung là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng và người có liên quan:

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, BKS: 88E1-176.93 là phương tiện H2 sử dụng thực hiện hành vi cướp giật tài sản, quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là tài sản hợp pháp của ông Lê Quang H1, sinh năm 1979, địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc là bố đẻ của H2. Ông H1

không biết bị cáo sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội nên CQĐT không xem xét trách nhiệm và đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu là có căn cứ.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, loại 13, màu hồng, số IMEI: 353874230185143 và 01 sim điện thoại có dãy ký tự 8984048000070115818 là tài sản hợp pháp của chị Dương Diệu L bị H2 chiếm đoạt. CQĐT trả lại cho chị L là có căn cứ. Chị L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì về bồi thường dân sự nên không đặt ra xem xét.

Đối với số tiền 3.000.000đ H2 giao nộp tại Cơ quan điều tra là số tiền do bán điện thoại cho anh Đ Công Minh mà có và số tiền 3.500.000đ anh Đào Công M giao nộp tại Cơ quan điều tra là số tiền do bán điện thoại cho anh Lê Văn T mà có. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị trả lại cho chủ sở hữu là có căn cứ được chấp nhận.

[8] Án phí: Bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố Lê Nguyễn Việt H phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 của Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Phạt Lê Nguyễn Việt H 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 15/02/2024.

Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại anh Đào Công M số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) mà H đã giao nộp tại Cơ quan điều tra. Trả lại anh Lê Văn T số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) mà anh M đã nộp tại cơ quan điều tra.

(Vật chứng có đặc điểm nêu tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản của cơ quan thi hành án dân sự).

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc Lê Nguyễn Việt H, phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh P;
- Viện kiểm sát tỉnh Vĩnh P;
- Viện kiểm sát thành phố Vĩnh Y;
- Công an thành phố Vĩnh Y;
- Trại tạm giam - CA Vĩnh P;
- Chi cục thi hành án Vĩnh Y;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Việt Quang